

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-ST
Ngày: 24-12- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Ký và bà Phạm Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Đức Bình Nguyễn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Hồ Văn T (tên gọi khác: Đường), sinh năm 1987 tại ấp A , xã N, huyện T , tỉnh Bến Tre; HKTT: ấp A , xã N, huyện T , tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Không xác định, con bà: Hồ Thị Y - sinh năm 1965; chưa có vợ con; tiền án: Ngày 26/9/2008 bị TAND Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 04/3/2010. Ngày 13/3/2012 bị TAND thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 14/4/2013. Ngày 14/01/2014 bị TAND huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 07/02/2015. Ngày 19/11/2015 bị TAND huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 42 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong ngày 05/10/2018. Tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 01/7/2019. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Anh Trần Minh T , sinh năm 2000; nơi ĐKTT: Tổ 3 khu vực 3, phường N, thành phố Q , tỉnh Bình Định. Tạm trú: Khu phố D, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Anh Trần Bảo T1, sinh năm 1992; trú tại: Thôn U, xã B, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Có yêu cầu xin vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T2, sinh năm 1967; trú tại: Tổ 3 khu vực 3, N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

** Người làm chứng:*

1. Chị Đặng Thị P D, sinh năm 1986; trú tại: Khu phố L, phường P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Chị Võ Thị P, sinh năm 1978; trú tại: Khu phố Đ, phường P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3. Anh Phạm H, sinh năm 1992; trú tại: Khu phố L, phường P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1997; trú tại: Khu phố V, phường X, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5. Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 2001; trú tại: Thôn T, xã Xuân P, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6. Anh Nguyễn T3, sinh năm 2001; trú tại: Khu phố P, phường Y, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 21/6/2019, Hồ Văn T đón xe buýt từ thành phố Q, tỉnh Bình Định đến thị xã C, tỉnh Phú Yên với mục đích lợi dụng sơ hở của người khác để trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài. Đến khoảng 20 giờ 20 phút cùng ngày, T đi bộ đến khu vực quán bi da F5 thuộc khu phố L, phường P, thấy phía trước quán có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển kiểm soát 77L1-733.98 của anh Trần Minh T . T lén lút đến dùng đoạn kim loại mang theo sẵn phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe mô tô 77L1-733.98 chạy ra thành phố Q, tỉnh Bình Định cất giấu xe tại nhà giữ xe Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định. Đến ngày 22/6/2019, T đem xe mô tô

77L1-733.98 vào chợ Tân Thành thuộc Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh bán cho 01 tiệm mua bán xe cũ (không xác định được tên tiệm và địa chỉ cụ thể) được số tiền 9.500.000 đồng sử dụng tiêu xài.

Khoảng 11 giờ ngày 30/6/2019, Hồ Văn T tiếp tục đón xe buýt từ thành phố Q, tỉnh Bình Định đến thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Khi đi ngang qua khách sạn Khánh Hòa thuộc xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, T phát hiện xe mô tô hiệu Exiter biển kiểm soát 79H1-291.02 của anh Trần Bảo T1 dừng phía trước khách sạn, T lên lút đến dùng đoạn kim loại mang theo sẵn phá ổ khóa điện rồi điều khiển xe 79H1-291.02 chạy ra hướng thành phố Q, tỉnh Bình Định. Khi đến đoạn QL1D thuộc thôn 2, xã Xuân Hải, thị xã C, tỉnh Phú Yên thì bị Công an thị xã C kiểm tra phát hiện, bắt giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33/KL-HĐĐG ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã C kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 77L1-733.98, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter có giá trị 30.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 23/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuy Hòa kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 79H1-291.02, nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter có giá trị 23.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 79H1-291.02 đã giao trả cho chủ sở hữu; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 77L1-733.98, tình trạng không truy tìm, thu giữ được; 01 đoạn kim loại màu sáng trắng, dạng chữ “L”, đoạn dài 14,5cm có khắc chữ “MACO R CHROME VANADIUM”, đoạn ngắn dài 5,5cm, có khắc chữ “Gs Nakata Japan 8”; 03 mũi bằng kim loại (01 đầu hình lục giác 8, 01 đầu dạng dẹp nhọn), trong đó: 01 mũi dài 6,5cm, 01 mũi dài 6,2cm, 01 mũi dài 5,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Bảo T1 đã nhận lại xe mô tô 79H1-291.02, không yêu cầu T bồi thường gì thêm. Anh Trần Minh T yêu cầu T bồi thường giá trị xe mô tô 77L1-733.98 với số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSSC ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C đã truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c và g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, T2 nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố là đúng.

- Người bị hại anh Trần Minh T xác định chỉ yêu cầu Hồ Văn T bồi thường giá trị xe mô tô 77L1-733.98 với số tiền 30.000.000 đồng, không có yêu cầu gì đối với chị Đặng Thị P D và yêu cầu xét xử Hồ Văn T theo quy định pháp luật.

- Tại đơn xin vắng mặt, anh Trần Bảo T1 không yêu cầu Hồ Văn T bồi thường về dân sự, có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2 xác định xe mô tô 77L1-733.98 là tài sản riêng của ông đã tặng cho anh Trần Minh T, thời điểm tặng cho do anh T chưa đủ tuổi nên chưa làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận đăng ký xe. Ông thống nhất ý kiến trình bày của anh T, không có yêu cầu gì đối với chị Đặng Thị P D, yêu cầu Hồ Văn T bồi thường 30.000.000 đồng giá trị xe mô tô 77L1-733.98 cho anh T.

- Người làm chứng anh Phạm H, anh Phạm Văn D, anh Huỳnh Văn V, bà Đặng Thị P D xác định 02 T niên xuất hiện trong đoạn camera được trích xuất là Huỳnh Văn V và Nguyễn T3. Riêng bà Võ Thị P vì sự việc xảy ra đã lâu nên không nhận diện được chính xác bị cáo.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Hồ Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt Hồ Văn T từ 03 – 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 79H1-291.02 đã trả lại cho người bị hại nên miễn xét; tịch thu tiêu hủy 01 đoạn kim loại màu sáng trắng, dạng chữ “L”, đoạn dài 14,5cm có khắc chữ “MACO R CHROME VANADIUM”, đoạn ngắn dài 5,5cm, có khắc chữ “Gs Nakata Japan 8”; 03 mũi bằng kim loại (01 đầu hình lục giác 8, 01 đầu dạng dẹp nhọn), trong đó: 01 mũi dài 6,5cm, 01 mũi dài 6,2cm, 01 mũi dài 5,5cm là tang vật vụ án do không có giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Bảo T1 đã nhận lại xe mô tô 79H1-291.02, không yêu cầu T bồi thường gì thêm nên miễn xét. Đề nghị tuyên buộc bị cáo Hồ Văn T bồi thường 30.000.000 đồng giá trị xe mô tô 77L1-733.98 cho anh Trần Minh T.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Cơ quan điều tra Công an thị xã C và Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã C trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại Trần Bảo T1 và người làm chứng Nguyễn T3 vắng mặt. Anh T1 đã nhận lại tài sản bị mất, đồng thời không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường về dân sự, có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người làm chứng anh Tài đã có lời khai tại hồ sơ vụ án. Xét thấy sự vắng mặt của người bị hại anh T1 và người làm chứng anh Tài không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Hồ Văn T tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra phù hợp nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Vào ngày 21/6/2019 tại khu phố L, phường P, thị xã C, tỉnh Phú Yên Hồ Văn T có hành vi lén lút lấy 01 xe mô tô biển kiểm soát 77L1 – 733.98 của anh Trần Minh T trị giá 30.000.000đ và ngày 30/6/2019 tại khu vực khách sạn “Khánh Hòa” thuộc xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Hồ Văn T có hành vi lén lút lấy 01 xe mô tô biển kiểm soát 79H1 – 291.02 của anh Trần Bảo T1 trị giá 23.000.000đ. Tổng giá trị tài sản Hồ Văn T chiếm đoạt là 53.000.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Hồ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm c, g khoản 2 Điều 173 BLHS năm 2015. Do đó, quyết định truy tố tại bản Cáo trạng số 42/CT - VKSSC ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan gi cho bị cáo.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo Hồ Văn T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo Hồ Văn T có nhân thân xấu, ngày 26/9/2008 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận 5, thành phố Hồ Chí Minh xử 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 13/3/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 14/01/2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 19/11/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 42 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Hồ Văn T hiện có 04 tiền án chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp đã tái phạm chưa được xóa án tích nhưng bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới nên xác định đây là trường hợp tái phạm nguy hiểm. Mặt khác, trong thời gian ngắn bị cáo liên tiếp 02 lần thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Hồ Văn T đã thành khẩn khai báo, được bị hại anh Trần Bảo T1 xin giảm nhẹ hình phạt. Xét lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Xét nhân thân của bị cáo cũng như tính chất và mức độ tội phạm thì thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Trần Bảo T1 đã nhận lại tài sản là xe mô tô biển kiểm soát 79H1-291.02, không yêu cầu bị cáo Hồ Văn T bồi thường nên không xem xét.

Anh Trần Minh T và ông Trần Văn T2 xác định bà Đặng Thị P D không có trách nhiệm đối với việc xe mô tô 77L1-733.98 bị mất nên không yêu cầu bà D bồi thường. Anh T và ông T2 yêu cầu bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền 30.000.000đ giá trị xe mô tô biển kiểm soát 77L1-733.98, bị cáo Hồ Văn T đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 79H1-291.02 đã trao trả cho chủ sở hữu, người bị hại không có ý kiến gì khác nên không xem xét.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn kim loại màu sáng trắng, dạng chữ “L”, đoạn dài 14,5cm có khắc

chữ “MACO R CHROME VANADIUM”, đoạn ngắn dài 5,5cm, có khắc chữ “Gs Nakata Japan 8”; 03 mũi bằng kim loại (01 đầu hình lục giác 8, 01 đầu dạng dẹp nhọn), trong đó: 01 mũi dài 6,5cm, 01 mũi dài 6,2cm, 01 mũi dài 5,5cm là tang vật vụ án vì không có giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKSSC ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã C và Chi cục thi hành án Dân sự thị xã C.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo Hồ Văn T bị kết án phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (30.000.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c, g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Phạt: Bị cáo Hồ Văn T 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/7/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 591 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Hồ Văn T phải bồi thường số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) giá trị xe mô tô biển kiểm soát 77L1-733.98 cho anh Trần Minh T.

Khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn kim loại màu sáng trắng, dạng chữ “L”, đoạn dài 14,5cm có khắc chữ “MACO R CHROME VANADIUM”, đoạn ngắn dài 5,5cm, có khắc chữ “Gs Nakata Japan 8”; 03 mũi bằng kim loại (01 đầu hình lục giác 8, 01 đầu dạng dẹp nhọn), trong đó: 01 mũi dài 6,5cm, 01 mũi dài 6,2cm, 01 mũi dài 5,5cm là tang vật vụ án vì không có giá trị sử dụng theo Quyết định chuyển vật chứng số 24/QĐ-VKSSC ngày 24/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/10/2019 giữa Cơ quan điều tra Công an thị xã C và Chi cục thi hành án Dân sự thị xã C.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Văn T bị kết án phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã C (1);
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. C (1);
- Sở tư pháp (1);
- THA HS thị xã C (1);
- THA DS thị xã C (1);
- Bị cáo (1);
- Người bị hại (1);
- Lưu HS, án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Tiên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

